Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9017.90.40

Mã HS	9017.90.40
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ vẽ, vạch mức dấu hoặc dụng cụ tính toán toán học (ví dụ, máy vẽ phác, máy vẽ truyền, thước đo góc, bộ đồ vẽ, thước logarit, bàn tính dùng đĩa); dụng cụ đo chiều dài, dùng tay (ví dụ, thước thanh và thước dây, thước micromet, thước cặp), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này / - Bộ phận và phụ kiện: / - - Bộ phận và phụ kiện, kể cả mạch in đã lắp ráp, của máy vẽ khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	02/11/2026 13:25:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/90179040/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18069
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18069
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18069
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17382
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17311
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17311
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17311
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17311
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17311
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17311
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17367
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17367
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17367
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17367

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17367
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17367
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17368
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17368
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17368
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17368
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17368
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17368
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17373
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17329
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17325
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17325
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17325
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17325
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17325
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17325
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17371
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17371
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17371
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17371
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17371
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17371
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17433
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17433
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17433
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17433

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17433
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17433
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17409
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17409
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17409
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17409
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17409
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17409
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17404
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17404
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17404
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17404
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17404
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17404
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17434
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17434
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17434
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17434
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17434
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17434
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17433
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17433
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17433
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17433
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17433
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17433

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17527
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17527
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17527
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17527
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17527
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17527
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17527
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17396
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17396
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17396
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17396
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17396
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17396
RCEP B	2022	2022	0	B!D17396
RCEP B	2023	2023	0	B!E17396
RCEP B	2024	2024	0	B!F17396
RCEP B	2025	2025	0	B!G17396
RCEP B	2026	2026	0	B!H17396
RCEP B	2027	2027	0	B!I17396
RCEP C	2022	2022	0	C!D17394
RCEP C	2023	2023	0	C!E17394
RCEP C	2024	2024	0	C!F17394
RCEP C	2025	2025	0	C!G17394
RCEP C	2026	2026	0	C!H17394
RCEP C	2027	2027	0	C!I17394
RCEP D	2022	2022	0	D!D17393

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17393
RCEP D	2024	2024	0	D!F17393
RCEP D	2025	2025	0	D!G17393
RCEP D	2026	2026	0	D!H17393
RCEP D	2027	2027	0	D!I17393
RCEP E	2022	2022	0	E!D17397
RCEP E	2023	2023	0	E!E17397
RCEP E	2024	2024	0	E!F17397
RCEP E	2025	2025	0	E!G17397
RCEP E	2026	2026	0	E!H17397
RCEP E	2027	2027	0	E!I17397
RCEP F	2022	2022	0	F!D17396
RCEP F	2023	2023	0	F!E17396
RCEP F	2024	2024	0	F!F17396
RCEP F	2025	2025	0	F!G17396
RCEP F	2026	2026	0	F!H17396
RCEP F	2027	2027	0	F!I17396
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16311
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16311
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16311
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16311

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9017.90 có 3 dòng thuế; dòng 9017.90.40 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bộ phận và phụ kiện, kể cả mạch in đã lắp ráp, của máy vẽ khác.	9017.90.30 Bộ phận và phụ kiện của máy vẽ ảnh để sản xuất tấm mạch in/tấm dây in; 9017.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9017.90.40. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9017.90.40 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18069), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.